

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 9 - 2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Duyên

2. Bà Hoàng Thị Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thuỳ D, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ dân phố Đ1, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ2, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Khu 9, thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ1, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29 tháng 5 năm 2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lê Thị Thuỳ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hồng Q đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 5 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã H2, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, chị về ở và làm ăn chung với gia đình anh Q tại khu 9, thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận. Tháng 5 năm 2014, vợ chồng chị chuyển đến ở tại tổ dân phố Đ1, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Đầu tháng 02 năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình

không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh Q có hai lần đánh chị. Vợ chồng ly thân từ đầu tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh Q nhiều lần dần xếp để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị kiên quyết không đồng ý. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Hồng P1, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2012 và cháu Nguyễn Lê Hồng P2, sinh ngày 18/8/2014. Hiện hai cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi hai con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Hồng Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về cơ bản như chị D trình bày là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D nghi ngờ anh có quan hệ nam nữ không đúng mực với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thỉnh thoảng cãi nhau và anh có hai lần đánh chị D. Ngoài ra, không có nguyên nhân nào khác.

Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh thỉnh thoảng khoảng một tuần hai lần đến nơi ở của chị D để thăm con là chính và nhiều lần dần xếp để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị D kiên quyết không đồng ý. Do vậy, vợ chồng nhiều lần cãi nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung và hiện đang ở với chị D, cụ thể như chị D trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh xin được nuôi hai con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Thùy D, cho chị D được ly hôn anh Nguyễn Hồng Q; về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Hồng P2 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Lê Hồng P1 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do bị đơn anh Nguyễn Hồng Q có nơi cư trú tại tổ dân phố Đ1, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Q xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị D và anh Q là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị D cương quyết xin ly hôn còn anh Q không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thùy D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Q đã phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ đầu tháng 02 năm 2023 và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân theo lời trình bày của chị D là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh Q có hai lần đánh chị. Nguyên nhân theo lời trình bày của anh Q là do chị D nghi ngờ anh có quan hệ nam nữ không đúng mực với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thỉnh thoảng cãi nhau và anh có hai lần đánh chị D.

Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, chị D, anh Q về ở tại tổ dân phố Đ1, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc từ tháng 5 năm 2014 cho đến thời điểm tháng 02 năm 2023, vợ chồng chị D, anh Q sống ly thân. Chị D ở tại tổ dân phố Đ2, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh Q ở tại tổ dân phố Đ1, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Khả năng để chị D, anh Q đoàn tụ là khó vì thời gian chị D, anh Q sống ly thân đã được 06 tháng, hôn nhân đã mâu thuẫn ở mức độ trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D, anh Q được ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay chị D kiên quyết xin ly hôn, anh Q không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh Q xác nhận trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh thỉnh thoảng một tuần hai lần đến nơi chị D ở để thăm con là chính và nhiều lần dàn xếp để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị D không đồng ý. Vợ chồng nhiều lần cãi nhau, điều đó chứng tỏ tình cảm của chị D đối với anh Q không còn. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ vì cuộc sống vợ chồng giữa chị D và anh Q không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của chị D và anh Q không đạt được. Anh Q không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

- Về con chung: Vợ chồng chị D, anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Hồng P1, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2012 và cháu Nguyễn Lê Hồng P2, sinh ngày 18/8/2014. Hiện hai cháu đang ở với chị D. Quá trình giải quyết vụ án và

tại phiên tòa, chị D, anh Q đều xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị D, anh Q về việc được trực tiếp nuôi con là chính đáng. Tòa án đã lấy lời khai của cháu P1 và cháu P2. Cháu P1 và cháu P2 đều có nguyện vọng được ở với chị D. Quá trình xác minh tại địa phương xác định chị D, anh Q đều có khả năng nuôi con nên cần giao cho chị D, anh Q mỗi người nuôi một con. Cháu P2 nhỏ tuổi hơn cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên cần giao cho chị D nuôi dưỡng. Chị D, anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức đóng góp: Vì chị D, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Nguyễn Hồng Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Lê Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Hồng Q.

2. Về con chung:

2.1. Chị Lê Thị Thùy D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Hồng P2, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2014; anh Nguyễn Hồng Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Hồng P1, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2012.

Chị Lê Thị Thùy D, anh Nguyễn Hồng Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Chị Lê Thị Thùy D, anh Nguyễn Hồng Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số

0003485 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H2, huyện B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Thảo